

Số: 08/2026/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 22 tháng 4 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn lệ phí hộ tịch  
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 09/2017/QH14, Luật số 23/2018/QH14, Luật số 72/2020/QH14, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 20/2023/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 33/2024/QH15, Luật số 35/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 60/2024/QH15; Luật số 74/2025/QH15, Luật số 89/2025/QH15, Luật số 94/2025/QH15, Luật số 95/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ Về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan Nhà nước trên môi trường mạng;*

*Căn cứ Nghị định số 362/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 106/2021/TT-BTC;*

*Xét Tờ trình số 53/TTr-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về dự thảo Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 58/BC-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.*

## **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

### 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 2 Điều 4, khoản 1 Điều 21 Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 và khoản 3 Điều 3 Thông tư số 85/2019/TT-BTC Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 106/2021/TT-BTC.

### 2. Đối tượng áp dụng

a) Người nộp lệ phí: Cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch, không bao gồm việc cấp bản sao trích lục hộ tịch.

b) Tổ chức thu lệ phí: Ủy ban nhân dân xã, phường.

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

## **Điều 2. Đối tượng miễn lệ phí**

1. Trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật.

2. Công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thực hiện việc đăng ký khai sinh đúng hạn, đăng ký khai tử đúng hạn, đăng ký giám hộ, đăng ký kết hôn.

3. Các trường hợp đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử, đăng ký kết hôn, đăng ký nhận cha, mẹ, con tại khu vực biên giới theo quy định tại Nghị định số 123/2015/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 87/2020/NĐ-CP, Nghị định số 104/2022/NĐ-CP, Nghị định số 07/2025/NĐ-CP và Nghị định số 18/2026/NĐ-CP.

## **Điều 3. Nội dung và mức thu lệ phí**

1. Mức thu lệ phí áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước:

<b>STT</b>	<b>Nội dung thu</b>	<b>Mức thu lệ phí trực tiếp (đồng/trường hợp)</b>
1	Đăng ký khai sinh không đúng hạn; đăng ký lại khai sinh; đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	6.000
2	Đăng ký khai tử không đúng hạn; đăng ký lại khai tử	6.000
3	Đăng ký lại kết hôn	20.000
4	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	12.000
5	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	10.000

6	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	12.000
7	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác	5.000
8	Đăng ký hộ tịch khác	6.000

2. Mức thu lệ phí áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài:

STT	Nội dung thu	Mức thu lệ phí trực tiếp (đồng/trường hợp)
1	Đăng ký khai sinh; đăng ký lại khai sinh; đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	60.000
2	Đăng ký khai tử; đăng ký lại khai tử	60.000
3	Đăng ký kết hôn, đăng ký lại kết hôn	1.200.000
4	Đăng ký giám hộ, đăng ký chấm dứt giám hộ	60.000
5	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.200.000
6	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	35.000
7	Ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài; đăng ký hộ tịch khác	60.000

3. Mức thu lệ phí hộ tịch khi thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu lệ phí hộ tịch khi nộp hồ sơ trực tiếp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

#### **Điều 4. Chế độ thu, nộp lệ phí**

1. Người nộp lệ phí nộp theo từng lần phát sinh cho tổ chức thu lệ phí bằng tiền mặt hoặc theo hình thức không dùng tiền mặt vào tài khoản chuyên thu lệ phí của tổ chức thu lệ phí mở tại tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước; thực hiện kê khai, nộp lệ phí vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

3. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định của pháp luật về lệ phí và các quy định pháp luật có liên quan.

#### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ Đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

## **Điều 6. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 5 năm 2026.
2. Bãi bỏ toàn bộ các Nghị quyết sau:
  - a) Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.
  - b) Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Hà Giang.
3. Bãi bỏ một phần các Nghị quyết sau:
  - a) Bãi bỏ cụm từ “lệ phí hộ tịch” tại Điều 1 Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.
  - b) Bãi bỏ Danh mục Nghị quyết tại số thứ tự 43 Phụ lục III và số thứ tự 39 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ- HĐND ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.
4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XX, Kỳ họp thứ hai (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2026./.*

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội; Chủ tịch nước; Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp; Tài chính;
- Vụ pháp chế Bộ Tài chính;
- Cục KTVB&TCTHPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Tuyên Quang;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh (đăng Công báo);
- CSDL VBQPPL tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (NgT).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hầu Minh Lợi**